

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 9
Năm học 2023-2024

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
1	Hà Nguyễn Gia An	x	8A1	9A1	TCTA	
2	Hồ Ngọc Khánh An		8A1	9A1	TCTA	
3	Lê Phước Khánh An	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
4	Nguyễn Ngọc Khánh An	x	Chuyển đến	9A9	Cơ bản	
5	Nguyễn Song Thùy An	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
6	Nguyễn Vy Khánh An	x	8A2	9A2	TCTA	
7	Nguyễn Xuân An	x	8P	9A7	Cơ bản	
8	Phan Ngọc An	x	8A11	9A11	Cơ bản	
9	Trần Tiến An		8P	9P	Song ngữ Pháp	
10	Vũ Hoàng Khánh An	x	8A10	9A10	Cơ bản	
11	Bùi Ngọc Anh	x	8A1	9A1	TCTA	
12	Bùi Nguyễn Đức Anh		8A4	9A4	TCTA	
13	Bùi Vân Anh	x	8A1	9A1	TCTA	
14	Đỗ Châu Anh	x	8A9	9A9	Cơ bản	
15	Đỗ Hoàng Minh Anh	x	8A4	9A4	TCTA	
16	Huỳnh Trần Minh Anh	x	8A2	9A2	TCTA	
17	Lê Minh Anh	x	8A6	9A6	TCTA	
18	Lê Nguyễn Hoàng Anh		8A3	9A3	TCTA	
19	Lê Phương Mai Anh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
20	Lê Thanh Hải Anh	x	8A3	9A3	TCTA	
21	Lương Trâm Anh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
22	Ngô Phương Anh	x	8A2	9A2	TCTA	
23	Nguyễn Đình Bảo Anh	x	8A5	9A5	TCTA	
24	Nguyễn Đỗ Bảo Anh		8A4	9A4	TCTA	
25	Nguyễn Hoàng Anh	x	8A2	9A2	TCTA	
26	Nguyễn Hồ Hoài Anh	x	8A8	9A8	Cơ bản	
27	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	x	8A9	9A7	Cơ bản	
28	Nguyễn Lê Hà Anh	x	8A3	9A3	TCTA	
29	Nguyễn Mai Quỳnh Anh	x	8A6	9A6	TCTA	
30	Nguyễn Minh Anh	x	8A4	9A4	TCTA	
31	Nguyễn Minh Quỳnh Anh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
32	Nguyễn Minh Tuệ Anh	x	8A1	9A1	TCTA	
33	Nguyễn Ngọc Anh	x	8A6	9A6	TCTA	
34	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	8A6	9A6	TCTA	
35	Nguyễn Phúc Thiên Anh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
36	Nguyễn Quang Anh		8A6	9A6	TCTA	
37	Nguyễn Trang Anh	x	8A10	9A10	Cơ bản	
38	Nguyễn Trần Nam Anh		8A11	9A11	Cơ bản	
39	Nguyễn Trần Quốc Anh		8A5	9A5	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
40	Phạm Hoàng Anh	x	8A5	9A5	TCTA	
41	Phạm Lê Anh		8A3	9A3	TCTA	
42	Phan Bảo Anh	x	8A4	9A4	TCTA	
43	Trần Gia Bảo Anh	x	8A5	9A5	TCTA	
44	Trần Huỳnh Tâm Anh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
45	Trần Lê Phan Anh		8A5	9A5	TCTA	
46	Trần Ngọc Phương Anh	x	8A5	9A5	TCTA	
47	Trần Nhật Anh	x	8A1	9A1	TCTA	
48	Trần Thị Kim Anh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
49	Trần Thị Phương Anh	x	8A11	9A11	Cơ bản	
50	Võ Minh Anh	x	8A9	9A9	Cơ bản	
51	Võ Trâm Anh	x	8A11	9A11	Cơ bản	
52	Vũ Quỳnh Anh	x	8A8	9A8	Cơ bản	
53	Nguyễn Đắc Ân		8A8	9A8	Cơ bản	
54	Trần Hoàng Thiên Ân		8A6	9A6	TCTA	
55	Dương Hiền Bách		8P	9P	Song ngữ Pháp	
56	Nguyễn Hoàng Bách		8A6	9A6	TCTA	
57	Bùi Thái Bảo		8A7	9A7	Cơ bản	
58	Dương Thiên Bảo		8A6	9A6	TCTA	
59	Đoàn Gia Bảo		8A2	9A2	TCTA	
60	Đỗ Gia Bảo		8A8	9A8	Cơ bản	
61	Nguyễn Gia Bảo		8A7	9A7	Cơ bản	
62	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		8A10	9A10	Cơ bản	
63	Nguyễn Ngọc Bảo		8A6	9A6	TCTA	
64	Nguyễn Phi Bảo		8A6	9A6	TCTA	
65	Nguyễn Quốc Bảo		8A4	9A4	TCTA	
66	Nguyễn Quốc Bảo		8P	9P	Song ngữ Pháp	
67	Phan Thế Bảo		8A1	9A1	TCTA	
68	Trang Gia Bảo		8A3	9A3	TCTA	
69	Nguyễn Phạm Hải Bằng		8A2	9A2	TCTA	
70	Phan Thanh Bình		8A10	9A10	Cơ bản	
71	Lê Trần Băng Châu	x	8A2	9A2	TCTA	
72	Tiền Ngọc Minh Châu	x	8A6	9A6	TCTA	
73	Nguyễn Linh Chi	x	8A2	9A2	TCTA	
74	Phạm Khánh Chi	x	8A2	9A2	TCTA	
75	Biện Minh Chiến		8A4	9A4	TCTA	
76	Trần Nguyễn Ngọc Diệp	x	8A3	9A3	TCTA	
77	Đỗ Thái Huyền Diệu	x	8A2	9A2	TCTA	
78	Vũ Hạnh Dung	x	8A4	9A4	TCTA	
79	Lê Việt Dũng		8A6	9A6	TCTA	
80	Nguyễn Tiến Dũng		8A6	9A6	TCTA	
81	Vũ Nguyễn Quang Dũng		8A11	9A11	Cơ bản	
82	Bùi Anh Duy		8A2	9A2	TCTA	
83	Lê Minh Duy		8A4	9A4	TCTA	
84	Lê Trần Khánh Duy		8A11	9A11	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
85	Nguyễn Thị Thanh Duyên	x	8A6	9A6	TCTA	
86	Võ Hà Trang Đài	x	8A10	9A10	Cơ bản	
87	Nguyễn Thị Mộng Đào	x	8A10	9A10	Cơ bản	
88	Nguyễn Minh Đạt		8A1	9A1	TCTA	
89	Phạm Trọng Đạt		8A7	9A7	Cơ bản	
90	Trần Huỳnh Thiên Đạt		8A1	9A1	TCTA	
91	Bùi Nguyễn Phúc Điền		8A9	9A9	Cơ bản	
92	Đào Minh Đức		8A3	9A3	TCTA	
93	Nguyễn Bảo Tâm Đức		8P	9P	Song ngữ Pháp	
94	Nguyễn Sỹ Đức		8A8	9A10	Cơ bản	
95	Vũ Minh Đức		8A9	9A9	Cơ bản	
96	Đặng Hoàng Gia		8A1	9A1	TCTA	
97	Nguyễn Văn Giàu		8A6	9A6	TCTA	
98	Lê Lam Hà	x	8A11	9A11	Cơ bản	
99	Nguyễn Ngân Hà	x	8A4	9A4	TCTA	
100	Nguyễn Phạm Thanh Hà	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
101	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	x	8A11	9A11	Cơ bản	
102	Đặng Ngọc Hân	x	8A2	9A2	TCTA	
103	Hoàng Ngọc Hân	x	8A5	9A5	TCTA	
104	Lại Bảo Nhật Hân	x	8A11	9A11	Cơ bản	
105	Lê Gia Hân	x	8A4	9A4	TCTA	
106	Lê Phạm Bảo Hân	x	8A4	9A4	TCTA	
107	Mai Trần Ngọc Hân	x	8A6	9A6	TCTA	
108	Nguyễn Cao Thái Hân	x	8A5	9A5	TCTA	
109	Nguyễn Gia Hân	x	8A11	9A11	Cơ bản	
110	Phan Hồng Hân	x	8A7	9A7	Cơ bản	
111	Võ Nguyễn Bảo Hân	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
112	Nguyễn Thị Thảo Hiền	x	8A1	9A1	TCTA	
113	Nguyễn Đức Hiệp		8A11	9A11	Cơ bản	
114	Lê Nguyễn Minh Hiếu		8P	9P	Song ngữ Pháp	
115	Lê Phước Minh Hiếu		8A4	9A4	TCTA	
116	Lê Trọng Hiếu		8A11	9A11	Cơ bản	
117	Nguyễn Trung Hiếu		8A1	9A1	TCTA	
118	Phu Thái Hòa		8A3	9A3	TCTA	
119	Từ Thanh Hòa		8A7	9A7	Cơ bản	
120	Vũ Ngọc Hoan		8A5	9A5	TCTA	
121	Nguyễn Nhật Hoàng		8A2	9A2	TCTA	
122	Văn Lê Nhật Hoàng		8A5	9A5	TCTA	
123	Vũ Việt Hoàng		8A6	9A6	TCTA	
124	Đặng Vũ Ngọc Hùng		8A4	9A4	TCTA	
125	Phạm Tuấn Hùng		8A11	9A11	Cơ bản	
126	Cao Gia Huy		8A1	9A1	TCTA	
127	Cung Hoàng Gia Huy		8A8	9A8	Cơ bản	
128	Đặng Ngọc Huy		8A11	9A11	Cơ bản	
129	Đỗ Anh Huy		8A4	9A4	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
130	Lê Gia Huy		8P	9P	Song ngữ Pháp	
131	Nguyễn Đăng Huy		8P	9P	Song ngữ Pháp	
132	Nguyễn Quốc Huy		8A3	9A3	TCTA	
133	Trần Sỹ Đức Huy		8A10	9A10	Cơ bản	
134	Trần Võ Gia Huy		8A10	9A10	Cơ bản	
135	Vũ Đức Huy		8A4	9A4	TCTA	
136	Trần Khánh Huyền	x	8A11	9A11	Cơ bản	
137	Đoàn Nguyễn Duy Hưng		8P	9P	Song ngữ Pháp	
138	Lê Tiến Hưng		8P	9P	Song ngữ Pháp	
139	Phạm Kiến Hưng		8P	9P	Song ngữ Pháp	
140	Chữ Khánh Hương	x	8A5	9A5	TCTA	
141	Lương Vân Hỷ	x	8A7	9A7	Cơ bản	
142	Đoàn Chí Kiên		8A6	9A6	TCTA	
143	Hà Anh Kiệt		8A2	9A2	TCTA	
144	Mai Anh Kiệt		8A7	9A7	Cơ bản	
145	Nguyễn Minh Kiệt		8A2	9A2	TCTA	
146	Đào Gia Kim	x	8A7	9A7	Cơ bản	
147	Vũ Tấn Khải		8A8	9A8	Cơ bản	
148	Lê Đặng Nguyên Khang		8A8	9A8	Cơ bản	
149	Lê Minh Khang		8P	9P	Song ngữ Pháp	
150	Lê Nguyễn Minh Khang		8A3	9A3	TCTA	
151	Lý Vĩnh Khang		8A5	9A5	TCTA	
152	Mai An Khang		8A11	9A11	Cơ bản	
153	Ngô Minh Khang		8A2	9A2	TCTA	
154	Nguyễn Minh Duy Khang		8A2	9A2	TCTA	
155	Nguyễn Nam Khang		8A5	9A5	TCTA	
156	Nguyễn Phúc Khang		8A11	9A11	Cơ bản	
157	Nguyễn Phúc Khang		8A7	9A7	Cơ bản	
158	Nguyễn Xuân Khang		8P	9A7	Cơ bản	
159	Phạm Minh Khang		8A1	9A1	TCTA	
160	Phạm Tuấn Khang		8A6	9A6	TCTA	
161	Triệu Hoàng Minh Khang		8A7	9A7	Cơ bản	
162	Trịnh Nguyễn Gia Khang		8A3	9A3	TCTA	
163	Võ Minh Khang		8A3	9A3	TCTA	
164	Vũ Phan Gia Khang		8A6	9A6	TCTA	
165	Đào Hoàng Mai Khanh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
166	Nguyễn Vũ Phương Khanh	x	8A4	9A4	TCTA	
167	Hoàng Duy Khánh		8A7	9A7	Cơ bản	
168	Lại Hoàng Phương Khánh	x	8A9	9A9	Cơ bản	
169	Tô Phương Khánh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
170	Trần Bảo Khánh	x	8A5	9A5	TCTA	
171	Trần Phương Khánh		8A1	9A1	TCTA	
172	Trương Như Khánh		8A4	9A4	TCTA	
173	Vũ Đoàn Gia Khánh		8A3	9A3	TCTA	
174	Đinh Nguyên Khoa		8A1	9A1	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
175	Hoàng Nguyễn Anh Khoa		8A3	9A3	TCTA	
176	Lê Anh Khoa		8A11	9A11	Cơ bản	
177	Nguyễn Công Khoa		8A6	9A6	TCTA	
178	Nguyễn Văn Đăng Khoa		8A3	9A3	TCTA	
179	Vũ Hoàng Anh Khoa		8A10	9A10	Cơ bản	
180	Chu Minh Khôi		8A9	9A9	Cơ bản	
181	Đào Quang Khôi		8A10	9A11	Cơ bản	
182	Đoàn Minh Khôi		8P	9P	Song ngữ Pháp	
183	Đoàn Ngọc Đăng Khôi		8A10	9A8	Cơ bản	
184	Lê Minh Khôi		8A2	9A2	TCTA	
185	Nguyễn Trần Đăng Khôi		8A9	9A9	Cơ bản	
186	Nguyễn Vũ Văn Khôi		8A10	9A10	Cơ bản	
187	Trần Hà Anh Khôi		8A1	9A1	TCTA	
188	Chung Gia Khuyên	x	8A10	9A10	Cơ bản	
189	Phạm Gia Lạc		8A2	9A2	TCTA	
190	Đinh Hoàng Lam	x	8A8	9A8	Cơ bản	
191	Lê Trúc Lam	x	8A8	9A8	Cơ bản	
192	Lê Uyên Lam	x	8A11	9A11	Cơ bản	
193	Nguyễn Đắc Lam		8A4	9A4	TCTA	
194	Nguyễn Lê Hải Lam	x	8A2	9A2	TCTA	
195	Huỳnh Lâm		8A7	9A7	Cơ bản	
196	Nguyễn Châu Tịnh Lâm	x	8A2	9A2	TCTA	
197	Nguyễn Hoàng Khuê Lâm	x	8A5	9A5	TCTA	
198	Nguyễn Phan Trúc Lâm		8A7	9A7	Cơ bản	
199	Phạm Nguyễn Tấn Lâm		8A10	9A10	Cơ bản	
200	Phan Hoàng Lâm		8A10	9A7	Cơ bản	
201	Trần Thùy Lâm	x	8A11	9A11	Cơ bản	
202	Trần Hoàng Lân		8A2	9A2	TCTA	
203	Bùi Hoàng Nhật Linh	x	8A11	9A11	Cơ bản	
204	Đan Phan Diệu Linh	x	8A4	9A4	TCTA	
205	Đỗ Khánh Linh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
206	Lê Trúc Linh	x	8A8	9A8	Cơ bản	
207	Lê Trương Hà Linh	x	8A10	9A10	Cơ bản	
208	Lê Trương Hoài Linh	x	8A10	9A10	Cơ bản	
209	Lý Vân Linh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
210	Mai Khánh Linh	x	8A10	9A10	Cơ bản	
211	Mai Vũ Nhật Linh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
212	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	x	8A3	9A3	TCTA	
213	Nguyễn Thanh Diệu Linh	x	8A9	9A9	Cơ bản	
214	Phạm Khánh Linh	x	8A8	9A8	Cơ bản	
215	Phạm Ngọc Thùy Linh	x	8A6	9A6	TCTA	
216	Phạm Uyển Linh	x	8A5	9A5	TCTA	
217	Trần Ngọc Phương Linh	x	8A4	9A4	TCTA	
218	Trần Nguyễn Hà Linh	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
219	Trần Yến Linh	x	8A8	9A8	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
220	Dương Đức Long		8P	9P	Song ngữ Pháp	
221	Nguyễn Minh Long		8A8	9A8	Cơ bản	
222	Nguyễn Phúc Bảo Long		8P	9P	Song ngữ Pháp	
223	Phan Ngọc Tấn Lực		8A8	9A8	Cơ bản	
224	Trần Thanh Hồng Ly	x	8A8	9A8	Cơ bản	
225	Nguyễn Hồng Tú Mai	x	8A2	9A2	TCTA	
226	Nguyễn Ngọc Phương Mai	x	8A6	9A6	TCTA	
227	Vũ Đức Mạnh		8A5	9A5	TCTA	
228	Bùi Nguyễn Tăng Minh		8A4	9A4	TCTA	
229	Bùi Văn Minh		8A2	9A2	TCTA	
230	Chung Kiến Minh		8A1	9A1	TCTA	
231	Dương Quốc Anh Minh		8A5	9A5	TCTA	
232	Dương Trí Minh		8P	9P	Song ngữ Pháp	
233	Đặng Chí Minh		8A5	9A5	TCTA	
234	Hoàng Gia Minh		8A4	9A4	TCTA	
235	Ngô Hải Minh	x	8A3	9A3	TCTA	
236	Nguyễn Anh Minh		Chuyển đến	9A10	Cơ bản	
237	Nguyễn Hoàng Minh		8P	9P	Song ngữ Pháp	
238	Tạ Hải Minh		8A5	9A5	TCTA	
239	Vũ Trần Minh		8A7	9A7	Cơ bản	
240	Lê Quế My	x	8A8	9A8	Cơ bản	
241	Trần Nguyễn Bảo My	x	8A3	9A3	TCTA	
242	Lê Trần Ti Na	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
243	Lương Ngọc Bảo Nam		8A3	9A3	TCTA	
244	Nguyễn Nhật Nam		8A5	9A5	TCTA	
245	Nguyễn Trần Hải Nam		8A7	9A7	Cơ bản	
246	Vũ Bảo Nam		8A1	9A1	TCTA	
247	Vũ Phương Nam		8A4	9A4	TCTA	
248	Huỳnh Trần Bảo Ngân	x	8A4	9A4	TCTA	
249	Lê Thị Kim Ngân	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
250	Ngô Thị Kim Ngân	x	8A9	9A11	Cơ bản	
251	Bùi Đỗ Phương Nghi	x	8A9	9A9	Cơ bản	
252	Lê Nguyễn Gia Nghi	x	8A8	9A8	Cơ bản	
253	Lương Bảo Nghi	x	8A3	9A3	TCTA	
254	Nguyễn Đoàn Đông Nghi	x	8A3	9A3	TCTA	
255	Nguyễn Trần Gia Nghi	x	8A9	9A9	Cơ bản	
256	Nguyễn Minh Nghĩa		8A1	9A1	TCTA	
257	Phạm Hiếu Nghĩa		8A11	9A11	Cơ bản	
258	Hà Minh Ngọc	x	8A6	9A6	TCTA	
259	Hoàng Nguyễn Bảo Ngọc	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
260	Lê Khánh Ngọc	x	8A6	9A6	TCTA	
261	Nguyễn Hồng Bảo Ngọc	x	8A8	9A8	Cơ bản	
262	Nguyễn Hương Ngọc	x	8A9	9A7	Cơ bản	
263	Nguyễn Thảo Ngọc	x	8A5	9A5	TCTA	
264	Trần Bích Ngọc	x	8A9	9A9	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
265	Trịnh Mai Bảo Ngọc	x	8A6	9A6	TCTA	
266	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	x	8A10	9A10	Cơ bản	
267	Phạm Gia Nguyên		8A5	9A5	TCTA	
268	Từ Đình Nguyên		8A5	9A5	TCTA	
269	Trương Nguyên		8P	9P	Song ngữ Pháp	
270	Lê Nguyễn		8A4	9A4	TCTA	
271	Lê Trần Hữu Nhân		8A1	9A1	TCTA	
272	Nguyễn Hải Minh Nhật		8P	9P	Song ngữ Pháp	
273	Đỗ Ngọc Mỹ Nhi	x	8A7	9A7	Cơ bản	
274	Giang Tuệ Nhi	x	8A6	9A6	TCTA	
275	Lê Trần Thảo Nhi	x	8A11	9A11	Cơ bản	
276	Mai Vương Yến Nhi	x	8A9	9A8	Cơ bản	
277	Nguyễn Phùng Xuân Nhi	x	8A5	9A5	TCTA	
278	Nguyễn Quỳnh Nhi	x	8A3	9A3	TCTA	
279	Phùng Nguyễn Ngọc Nhi	x	8A3	9A3	TCTA	
280	Trần Lưu Minh Nhi	x	8A1	9A11	Cơ bản	
281	Trịnh Phương Nhi	x	8A11	9A11	Cơ bản	
282	Vũ Nguyễn Tuệ Nhi	x	8A4	9A4	TCTA	
283	Vũ Yến Nhi	x	8A7	9A7	Cơ bản	
284	Huỳnh Hồng Nhung	x	8A3	9A3	TCTA	
285	Đỗ Thị Quỳnh Như	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
286	Lê Gia Bảo Như	x	8A1	9A1	TCTA	
287	Lê Nguyễn Quỳnh Như	x	8A5	9A5	TCTA	
288	Nguyễn Ngọc Thảo Như	x	8A9	9A9	Cơ bản	
289	Nguyễn Quỳnh Như	x	8A10	9A10	Cơ bản	
290	Phạm Minh Thảo Như	x	8A8	9A8	Cơ bản	
291	Thạch Nguyễn Quỳnh Như	x	8A1	9A1	TCTA	
292	Vũ Hoàng Quỳnh Như	x	8A4	9A4	TCTA	
293	Vũ Linh Như	x	8A10	9A10	Cơ bản	
294	Nguyễn Hoàng Oanh	x	8A10	9A10	Cơ bản	
295	Ngọc Diễm Prichameth	x	8A9	9A9	Cơ bản	
296	Huỳnh Tấn Phát		8A2	9A2	TCTA	
297	La Kiên Phát		8A3	9A3	TCTA	
298	Lê Tuấn Phát		8A9	9A9	Cơ bản	
299	Đào Nam Phong		8A10	9A10	Cơ bản	
300	Phạm Nguyễn Đông Phong		8A11	9A11	Cơ bản	
301	Đặng Gia Phú		8P	9P	Song ngữ Pháp	
302	Nguyễn Thái Gia Phú		Chuyển đến	9A10	Cơ bản	
303	Trịnh Đại Phú		8A10	9A10	Cơ bản	
304	Cao Thái Phúc		8A9	9A9	Cơ bản	
305	Đào Gia Phúc		8A11	9A11	Cơ bản	
306	Đào Nguyễn Phi Phúc		8A9	9A9	Cơ bản	
307	Ngô Lê Hoàng Phúc		8A3	9A3	TCTA	
308	Nguyễn Dương An Phúc		8P	9P	Song ngữ Pháp	
309	Nguyễn Tuấn Phúc		8A8	9A8	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
310	Phạm Nam Vinh Phúc		8A5	9A5	TCTA	
311	Phạm Nguyễn Gia Phúc		8A9	9A9	Cơ bản	
312	Phan Bá Phúc		8P	9P	Song ngữ Pháp	
313	Tạ Thiên Phúc		8A6	9A6	TCTA	
314	Trần Đào Gia Phúc		8A9	9A9	Cơ bản	
315	Trần Mạnh Phúc		8A5	9A5	TCTA	
316	Vũ Thiên Phúc		8A5	9A5	TCTA	
317	Nguyễn Thế Hồng Phụng		8A3	9A3	TCTA	
318	Nguyễn Phan Duy Phước		8A7	9A7	Cơ bản	
319	Bùi Nguyễn Minh Phương	x	8A6	9A6	TCTA	
320	Hồ Phạm Bảo Phương	x	8A4	9A4	TCTA	
321	Hồ Thị Yến Phương	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
322	Mai Hồng Uyên Phương	x	8A2	9A2	TCTA	
323	Nguyễn Hoàng Linh Phương	x	8A11	9A11	Cơ bản	
324	Phạm Ngọc Mai Phương	x	8A11	9A11	Cơ bản	
325	Cần Minh Quang		8A2	9A2	TCTA	
326	Đặng Nguyễn Minh Quang		8A3	9A3	TCTA	
327	Nguyễn Thái Quang		8A1	9A1	TCTA	
328	Đào Chiêu Quân	x	8A2	9A2	TCTA	
329	Trần Long Quân		8A9	9A9	Cơ bản	
330	Nguyễn Huỳnh Tiến Quốc		8A3	9A3	TCTA	
331	Nguyễn Thiên Quốc		8A11	9A11	Cơ bản	
332	Lê Thoại Quyên	x	8A8	9A8	Cơ bản	
333	Nguyễn Thị Bảo Quyên	x	8A8	9A8	Cơ bản	
334	Phạm Lê Hoàng Quyên	x	8A3	9A3	TCTA	
335	Lê Ngọc Như Quỳnh	x	8A11	9A11	Cơ bản	
336	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	x	8A2	9A2	TCTA	
337	Châu Tiến Sang		8A9	9A9	Cơ bản	
338	Phan Hồng Sơn		8A10	9A10	Cơ bản	
339	Vi Vĩ Sơn		8A5	9A5	TCTA	
340	Hồ Chí Tài		8A5	9A5	TCTA	
341	Lại Đức Tài		8A2	9A2	TCTA	
342	Đinh Diệu Tâm	x	8A11	9A11	Cơ bản	
343	Lê Minh Tâm		8A7	9A7	Cơ bản	
344	Nguyễn Thành Tâm		8A9	9A9	Cơ bản	
345	Phạm Ngọc Minh Tâm	x	8A4	9A4	TCTA	
346	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	x	8A6	9A6	TCTA	
347	Nguyễn Thảo Tiên	x	8A9	9A9	Cơ bản	
348	Trần Thị Mỹ Tiên	x	8A11	9A11	Cơ bản	
349	Lê Đình Minh Tiến		8A5	9A5	TCTA	
350	Lý Quốc Tiến		8A4	9A4	TCTA	
351	Nguyễn Hải Đức Tiến		8A6	9A6	TCTA	
352	Trần Quốc Tiến		8A8	9A8	Cơ bản	
353	Trần Tùng Tiến		8A4	9A4	TCTA	
354	Vũ Quang Tiến		8A9	9A9	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
355	Nguyễn Cao Bảo Tín		8A4	9A4	TCTA	
356	Nguyễn Ka Trọng Tín		8A11	9A11	Cơ bản	
357	Hồ Đức Toàn		8A2	9A2	TCTA	
358	Nguyễn Minh Tú		8A1	9A1	TCTA	
359	Phạm Anh Tú		8A9	9A9	Cơ bản	
360	Trần Minh Tú	x	8A8	9A8	Cơ bản	
361	Trần Thiên Tú	x	8A2	9A2	TCTA	
362	Vĩnh Phạm Ngọc Tú	x	8A6	9A6	TCTA	
363	Mai Đình Tuấn		8A10	9A10	Cơ bản	
364	Lê Gia Tuấn		8A9	9A9	Cơ bản	
365	Nguyễn Anh Tuấn		8A5	9A5	TCTA	
366	Nguyễn Minh Tuấn		8A4	9A4	TCTA	
367	Phạm Anh Tuấn		8A10	9A10	Cơ bản	
368	Phạm Đình Tuấn		8A2	9A2	TCTA	
369	Phạm Minh Tuấn		8P	9P	Song ngữ Pháp	
370	Nguyễn Phạm Nhật Tùng		8A9	9A9	Cơ bản	
371	Nguyễn Thanh Tùng		8A8	9A8	Cơ bản	
372	Trần Anh Tùng		8A2	9A2	TCTA	
373	Hoàng Bảo Cát Tường	x	8A7	9A7	Cơ bản	
374	Nguyễn Anh Cát Tường		8A3	9A3	TCTA	
375	Phạm Hoàng Cát Tường	x	8A1	9A1	TCTA	
376	Nguyễn Quang Thái		8A6	9A6	TCTA	
377	Nguyễn Quang Thanh		8A8	9A8	Cơ bản	
378	Nguyễn Đức Thành		8A5	9A5	TCTA	
379	Nguyễn Hữu Bảo Thành		8A1	9A1	TCTA	
380	Phạm Nhật Thành		8A6	9A6	TCTA	
381	Trương Bảo Thành		8A7	9A7	Cơ bản	
382	Văn Tiến Thành		8P	9P	Song ngữ Pháp	
383	Đàm Mai Thảo	x	8A6	9A6	TCTA	
384	Hoàng Dạ Thảo	x	8A4	9A4	TCTA	
385	Lê Ngọc Thanh Thảo	x	8A11	9A11	Cơ bản	
386	Lương Diệu Thảo	x	8A8	9A8	Cơ bản	
387	Võ Ngọc Phương Thảo	x	8A11	9A11	Cơ bản	
388	Kim Chin The		8A8	9A8	Cơ bản	
389	Phùng Hồ Minh Thi	x	8A7	9A7	Cơ bản	
390	Trần Minh Thi	x	8A5	9A5	TCTA	
391	Nguyễn Thanh Thiên		8A11	9A11	Cơ bản	
392	Phạm Quốc Thiện		8A3	9A3	TCTA	
393	Trần Trọng Thiện		8A9	9A9	Cơ bản	
394	Trần Viết Thiện		8A2	9A2	TCTA	
395	Đặng Phước Thịnh		8A3	9A3	TCTA	
396	Huỳnh Đức Thịnh		8A6	9A6	TCTA	
397	Lê Hoàng Phúc Thịnh		8A2	9A2	TCTA	
398	Nguyễn Duy Hưng Thịnh		8A10	9A10	Cơ bản	
399	Nguyễn Hưng Thịnh		8A10	9A10	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
400	Lê Quang Thuận		8P	9P	Song ngữ Pháp	
401	Nguyễn Phương Hồng Thúy	x	8A9	9A9	Cơ bản	
402	Nguyễn Ánh Thùy	x	8A11	9A11	Cơ bản	
403	Lâm Anh Thư	x	8A1	9A1	TCTA	
404	Nguyễn Đặng Minh Thư	x	8A5	9A5	TCTA	
405	Nguyễn Hữu Minh Thư	x	8A1	9A1	TCTA	
406	Tạ Minh Thư	x	8A7	9A7	Cơ bản	
407	Đỗ Nguyễn Anh Thy	x	8A1	9A1	TCTA	
408	Nguyễn Hoàng Phương Thy	x	8A2	9A2	TCTA	
409	Phạm Hồ Uyên Thy	x	8A5	9A5	TCTA	
410	Trương Trần Anh Thy	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
411	Vũ Ngọc Mai Thy	x	8A6	9A6	TCTA	
412	Đỗ Mỹ Trang	x	8A8	9A8	Cơ bản	
413	Luyện Hoàng Phương Trang	x	8A10	9A10	Cơ bản	
414	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	8A11	9A11	Cơ bản	
415	Phạm Quỳnh Trang	x	8A4	9A4	TCTA	
416	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	x	8A7	9A7	Cơ bản	
417	Tạ Quỳnh Trâm	x	8A8	9A8	Cơ bản	
418	Vũ Hoàng Bảo Trâm	x	8A1	9A1	TCTA	
419	Đỗ Ngọc Bảo Trân	x	8P	9P	Song ngữ Pháp	
420	Huỳnh Phạm Bảo Trân	x	8A3	9A3	TCTA	
421	Lê Minh Bảo Trân	x	8A3	9A3	TCTA	
422	Nguyễn Thị Ngọc Trân	x	8A3	9A3	TCTA	
423	Vũ Quỳnh Khánh Trân	x	Chuyển đến	9A10	Cơ bản	
424	Nguyễn Minh Trí		8A1	9A1	TCTA	
425	Nguyễn Minh Trí		8P	9P	Song ngữ Pháp	
426	Nguyễn Minh Trí		8P	9P	Song ngữ Pháp	
427	Trần Anh Trí		8A3	9A3	TCTA	
428	Tiêu Nguyễn Ngọc Trinh	x	8A7	9A7	Cơ bản	
429	Phạm Huỳnh Thanh Trúc	x	8A4	9A4	TCTA	
430	Trịnh Thanh Trúc	x	8A3	9A3	TCTA	
431	Lưu Kim Trường		8A8	9A8	Cơ bản	
432	Phan Thụy Khánh Uyên	x	8A5	9A5	TCTA	
433	Hoàng Nguyên Khánh Văn	x	8A5	9A5	TCTA	
434	Huỳnh Nhân Văn		8A4	9A4	TCTA	
435	Nguyễn Hải Vân	x	8A1	9A1	TCTA	
436	Lê Thị Hà Vi	x	8A8	9A8	Cơ bản	
437	Đỗ Tường Vinh		8P	9P	Song ngữ Pháp	
438	Lê Đăng Vinh		8A9	9A10	Cơ bản	
439	Lê Quang Vinh		8A9	9A9	Cơ bản	
440	Nguyễn Quốc Vinh		8A10	9A10	Cơ bản	
441	Nguyễn Trương Quang Vinh		8A7	9A7	Cơ bản	
442	Vương Trung Vĩnh		8A1	9A1	TCTA	
443	Bùi Tường Vy	x	8A4	9A4	TCTA	
444	Đỗ Phương Vy	x	8A10	9A10	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
445	Huỳnh Trần Hồng Vy	x	8A9	9A9	Cơ bản	
446	Lê Bảo Vy	x	8A1	9A1	TCTA	
447	Nguyễn Huỳnh Phương Vy	x	8A9	9A9	Cơ bản	
448	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	x	8A10	9A10	Cơ bản	
449	Nguyễn Nhật Phương Vy	x	8A6	9A6	TCTA	
450	Nguyễn Trần Đan Vy	x	8A3	9A3	TCTA	
451	Phan Trần Khánh Vy	x	8A2	9A2	TCTA	
452	Trần Tường Vy	x	Chuyển đến	9A11	Cơ bản	
453	Trương Trí Vỹ		8A2	9A2	TCTA	
454	Nguyễn Như Ý	x	8A1	9A1	TCTA	
455	Phạm Ngọc Tịnh Yên	x	8A11	9A11	Cơ bản	
456	Trần Thị Hải Yến	x	8A7	9A7	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
-----	-----------	----	--------	---------	-----------	---------